

Tư tưởng Phật giáo trong truyện Tấm Cám

LÊ THỊ HUỆ^(*)

Có thể khẳng định rằng: hầu hết người dân Việt Nam đều biết đến truyện cổ tích *Tấm Cám* bằng những cách khác nhau, nhưng cũng không ít người sẽ nghĩ rằng: chẳng có gì đáng bàn ở đây vì đó là truyện cổ tích. Đúng vậy đó là truyện cổ tích, nhưng nếu dành một chút thời gian chúng ta sẽ thấy được *Tấm Cám* không chỉ đơn giản chỉ là truyện cổ tích mà nó còn chứa đựng những nội dung của tư tưởng triết học Phật giáo. Đó là trường phái triết học ra đời cách đây khoảng 2500 năm, đã xác lập được vị trí của mình trong cuộc “đọ sức” với các trường phái triết học cùng thời và tồn tại cho đến nay bởi những giá trị nhiều mặt của nó, để lại những dấu ấn sâu đậm và có ảnh hưởng lớn đến lịch sử loài người, trong đó có Việt Nam.

Bài viết này, với mong muốn cung cấp cho bạn đọc những nội dung cơ bản nhất về triết học Phật giáo, đặc biệt là sự biểu hiện của tư tưởng triết học Phật giáo qua truyện cổ tích *Tấm Cám* dưới góc độ triết học, góp một sắc thái đặc biệt trong nền triết học nhân sinh Việt Nam. Không những thế, nó còn giúp chúng ta nhận ra được nhiều ý nghĩa trong cuộc sống: biết trân trọng tính từ bi, bác ái, đạo lí sống thiện, tu dưỡng nhân cách của Phật giáo. Từ đó, có cái nhìn đúng đắn về tầm ảnh hưởng, vị trí và vai trò của Phật giáo trong nền văn hoá nói riêng và trong lịch sử dân tộc Việt Nam nói chung.

I. ĐÔI NÉT VỀ TRIẾT HỌC PHẬT GIÁO

Cũng như các hệ tư tưởng khác, đối tượng phản ánh của triết học Phật giáo là thế giới và con người. Quan niệm về thế giới và con người của Phật giáo có hệ thống và mang tính triết học sâu sắc, trên cơ sở tiếp thu nhiều yếu tố của đạo Balamôn và các trào lưu triết học Ấn Độ cổ đại mà đưa ra những quan niệm như: thuyết *vô thường*, thuyết *vô ngã*, thuyết *vô tạo giả* và *lí luận nhân duyên*. Song mặt khác lại thừa nhận quan điểm *luân hồi*, *nghiệp báo* của Upanisad và đưa ra quan niệm về đời người mà nổi bật là *Tứ diệu đế*. Nhưng trước khi đi vào tìm hiểu những yếu tố Phật giáo trong truyện, chúng ta sẽ tìm hiểu những nội dung cơ bản của triết học Phật giáo trên hai bình diện sau:

1. Thế giới quan Phật giáo: Phật giáo đưa ra tư tưởng *vô thường*, *vô ngã*, *vô tạo giả* và *lí luận nhân duyên*.

Thuyết vô thường: Quan điểm vô thường nghĩa là “vạn vật biến đổi vô cùng theo chu trình bất tận: sinh - trụ - dị - diệt. Vậy thì “có có” - “không không” luân hồi bất tận; “thoáng có”, “thoáng không”, cái có thì chẳng còn, cái mất thì chẳng mất”⁽¹⁾.

*. Học Viện Chính trị - Hành chính khu vực IV, Tp. Cần Thơ.

1. *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội 2005, tr. 36.

Thuyết vô ngã: Phật Giáo cho rằng ngã là ta. Vậy vô ngã là không có bản thân ta. Quan điểm vô ngã cho rằng: “Vạn vật trong vũ trụ chỉ là sự giả hợp do hội đủ nhân duyên nên thành ra có (tồn tại). Ngay bản thân sự tồn tại của thực thể con người chẳng qua là do ngũ uẩn (5 yếu tố) hội đủ lại là: sắc (vật chất), thụ (cảm giác), tưởng (ấn tượng), hành (suy lí) và thức (ý thức). Như vậy là không có cái gọi là tôi [vô ngã]⁽²⁾.

Thuyết vô tạo giả: Triết học Phật giáo cho rằng: vô tạo giả tức là không có đáng sáng tạo. Với quan niệm đó, Phật giáo đã bác bỏ tư tưởng đáng sáng tạo của kinh Upanisad.

Lí luận nhân duyên (Duyên khởi luận): Theo quan niệm Phật giáo: Các sự vật - hiện tượng trong vũ trụ chuyển động, biến đổi đều bị chi phối bởi quy luật nhân duyên. Nhân duyên hoà hợp thì sự vật sinh, nhân duyên tan rã thì sự vật diệt. Tùy theo nhân duyên kết hợp mà thành các sự vật, hiện tượng khác nhau.

2. Nhân sinh quan Phật giáo

Phật giáo bác bỏ tư tưởng cho rằng Brahman là Thượng Đế, là Đấng Sáng tạo, là linh hồn của vũ trụ; còn átman là linh hồn của con người mà toàn thể các sự vật, hiện tượng trong thế giới đều biểu hiện vũ trụ Brahman nhưng lại tiếp thu tư tưởng luân hồi (Samsara) và nghiệp (Karma) của Upanisad: “Mọi sự vật mất đi ở chỗ này là để sinh ra ở chỗ khác, quá trình thác sinh luân hồi đó do nghiệp chi phối theo nhân quả. Mục đích cuối cùng của Phật giáo là tìm ra con đường giải thoát (Moksa), đưa chúng sinh ra khỏi vòng luân hồi bất tận đó”⁽³⁾.

Để đi tới sự giải thoát Phật giáo nêu lên Tứ diệu đế (Catvariaryatyni), nghĩa là bốn chân lí tuyệt diệu, thiêng liêng mà mọi người phải nhận thức được.

Một là, **Khổ đế** (Duhkha - satya). Đây là chân lí nói về sự khổ của người đời. Phật giáo cho rằng cuộc đời là bể khổ. Cái khổ của cuộc đời được tóm trong 8 thứ khổ, gọi là “Bát khổ”: sinh, lão, bệnh, tử, ái biệt li khổ, oán tăng hội khổ, sở cầu bất đắc khổ, ngũ thụ uẩn khổ.

Hai là, **Nhân đế** (samudaya - satya) hay còn gọi là tập đế: nghĩa là mọi cái khổ đều có nguyên nhân. Ở đây Phật giáo đưa ra 12 nhân duyên gọi là **thập nhị nhân duyên** (vô minh, hành, thức, danh sắc, lục nhập, xúc, thụ, ái, thủ, hữu, sinh, lão, tử). Trong 12 nhân duyên ấy, **vô minh** tức là không sáng suốt là nguyên nhân đầu tiên, là nguồn gốc sâu xa tạo ra nỗi khổ.

Ba là, **Diệt đế** (Nirodha - satya) Phật giáo khẳng định cái khổ có thể tiêu diệt được, có thể chấm dứt được luân hồi.

Bốn là, **Đạo đế** (Marga - satya). Đây là chân lí nói về con đường tu tập phải theo để diệt khổ. Phật giáo đưa ra con đường giải thoát, diệt khổ mà thực chất là tiêu diệt **vô minh**, chấm dứt luân hồi sinh tử, vừa thực hành tu tập diệt trừ tham dục để đạt đến sự giải thoát. Phật giáo đặt ra nhiều phép tu, trong đó quan trọng hơn cả là tu theo Bát chính đạo và Tam học.

Như vậy, với những nội dung cơ bản đó, Phật giáo đã giải thích một cách cơ bản về vũ trụ và nhân sinh; đặc biệt là về thế giới quan chứa đựng những yếu tố duy vật. Nhưng điểm hạn chế lớn nhất của nó là lí giải con người giải thoát, cuộc đời khổ đau của con người có tính chất duy tâm và ảo tưởng. Tuy vậy, Phật giáo cũng là một trong những trường phái triết học - tôn giáo đã nói lên được khát vọng giải thoát con người khỏi những bi kịch của

2. *Giáo trình triết học Mác - Lênin*, Sđd., tr. 36.

3. Nguyễn Hữu Vui. *Lịch sử triết học*, Nxb. CTQG, Hà Nội 2002, tr. 135.

cuộc đời, khuyên con người sống thiện, bác ái. Vì lẽ đó, cùng với thời gian Phật giáo được truyền bá một cách rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.

Suốt 20 thế kỉ từ khi du nhập vào Việt Nam cho đến nay, Phật giáo đã len lỏi đến mọi “ngõ ngách” của đời sống người Việt, đến cả những truyện dân gian từ xa xưa cũng chứa đựng tư tưởng Phật giáo, góp một sắc thái đặc biệt trong triết học nhân sinh Việt Nam, tiêu biểu là trong truyện cổ tích *Tám Cám*.

II. SỰ BIỂU HIỆN CỦA TƯ TƯỞNG PHẬT GIÁO TRONG TRUYỆN CỔ TÍCH *TÁM CÁM*

Truyện *Tám Cám* là một trong những truyện cổ tích dân gian Việt Nam. Trong các cuốn sách viết về truyện cổ tích Việt Nam, *Tám Cám* được các tác giả biên soạn nhìn chung cốt truyện giống nhau, chỉ khác nhau ở phần kết thúc truyện. Truyện kể về cô Tám - một cuộc đời đầy bất hạnh: mồ côi cả cha lẫn mẹ, sống với mẹ dì ghẻ là mẹ của Cám. Cô rất hiền lành, chịu khó nhưng luôn bị mẹ con Cám hắt hủi, hành hạ. Bụt thương tình đã giúp cho Tám được đi dự hội, ở đó cô đã gặp vua và trở thành hoàng hậu. Nhưng vì ghen tức mẹ con Cám đã bày mưu sát hại Tám để Cám được vào cung thay chị. Tám chết đi hoá thành chim vàng anh, thành cây xoan đào, thành quả thị được bà lão phúc hậu đem về nhà. Nhờ miếng trầu têm cánh phượng, nhà vua đã nhận ra người vẫn nằm trong vỏ thị chính là người vợ yêu dấu của mình. Hai người trở về cung và sống hạnh phúc trọn đời. Còn Cám do tham lam và ngu dốt đã tự giết mình bằng một vạc nước sôi và mẹ dì ghẻ độc ác cũng lăn đùng ra chết khi biết là mẹ đang ăn hũ mắm làm bằng thịt con gái mình do Tám gửi đến.

Cốt truyện cơ bản là thế, vậy nó có gì đặc biệt mà trước đó tôi nói rằng truyện cổ tích *Tám Cám* chứa đựng những tư tưởng của triết học Phật giáo. Để làm rõ điều này chúng ta sẽ đi tìm hiểu những vấn đề sau:

1. Sự biểu hiện của thuyết luân hồi trong truyện

Tám bắt đầu là một cá thể người, một cô gái nơi thôn dã đẹp người, đẹp nết, chịu thương, chịu nhiều thiệt thòi và đau khổ. Tám đã trải qua quãng đời tuổi thơ đầy bất hạnh: mẹ chết, bố lấy vợ khác, rồi bố chết đi, Tám phải sống với mẹ dì ghẻ và người em cùng cha khác mẹ. Và đúng là: “mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời mẹ ghẻ lại thương con chồng” như câu nói của ông cha ta. Mẹ dì ghẻ đã đẩy đoạ Tám rất cực khổ, không những thế lại còn có những âm mưu độc ác, cố tình giết chết Tám để thoả lòng ghen ghét và ích kỉ của mình. Nhưng sau khi bị sát hại Tám biến thành chim vàng anh suốt ngày được vua yêu mến lại bị Cám giết thịt, lông chim vàng anh lại mọc thành cây xoan đào, cây xoan đào lại bị Cám đốn lấy làm khung cửi sau đó bị Cám đốt thành đống tro, từ đống tro lại mọc lên cây thị và từ quả thị lại biến thành Tám xinh đẹp hơn xưa.

Tám đã trở lại sau một chuỗi tiếp nối sinh sinh, tử tử: người, chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, cây thị và người. Đây là sự biểu hiện của thuyết luân hồi trong truyện, nghĩa là con người không mất đi mà luôn luôn biến đổi trong vòng bánh luân hồi. Theo Phật giáo: sự mất đi của sự vật này, hiện tượng này là điều kiện cho sự xuất hiện của sự vật, hiện tượng khác. Tử là nguyên nhân của sinh lại, hoại là nguyên nhân để thành lại. Khi con người chết đi lại tiếp tục đầu thai vào kiếp khác. Tám sau mỗi lần bị chà đạp, bị huỷ diệt thì cũng là mỗi lần Tám

bất diệt tồn tại dưới mọi hình thức. Thông qua nhân vật Tấm, tác giả dân gian muốn gửi gắm tình cảm, ý chí, niềm tin vào những điều tốt đẹp sẽ chiến thắng những cái ác; họ muốn chứng minh cái nhân ái, cái thiện luôn thắng: “ở hiền gặp lành”, “hành thiện ắt gặp điều lành”? Phật giáo cũng cho rằng: “những ai còn luyến ái thì còn sanh trở lại đời sau”⁽⁴⁾. Phải chăng cô Tấm trong truyện cổ tích này đang còn vương vấn với trần thế để sau mỗi lần bị huỷ diệt lại tiếp tục đầu thai vào kiếp khác? Cô Tấm biến hoá để sống, để trở về với thế giới này trên ngôi hoàng hậu, để được hưởng hạnh phúc trần tục. Đó là ước mơ được khẳng định mình của nhân dân lao động đã tạo ra những biến hoá thần kì của nhân vật nhằm tạo cho người hiền những bậc thang đến hạnh phúc.

Do đó, có thể nói rằng: thuyết luân hồi đã đi vào văn hoá Việt Nam và ảnh hưởng vào văn học phản ánh ước mơ đời thường của nhân dân lao động, nó mang tính chất đời sống thực, mang tính chất Việt Nam. Ở đây thuyết luân hồi đã trở thành chỗ dựa và là phương tiện nghệ thuật giúp tác giả dân gian thể hiện được ước mơ công bằng xã hội, khuyên mọi người hướng thiện và sống thiện, khuyến khích nỗ lực theo thiện tránh ác, lạc quan và tin rằng: chính mỗi người tạo ra những gì tốt đẹp hơn cho cuộc sống tương lai bằng cuộc sống chính đáng hôm nay của bản thân.

2. Sự biểu hiện của thuyết nghiệp báo trong truyện

Song song với triết lí “ở hiền gặp lành”, “thiện thắng ác” là triết lí “ác giả ác báo”, “trèo cao ngã đau”... Nó như hồi chuông cảnh báo cho mọi người và cho những ai đã và đang sống không đúng với với lương tâm một con người. Đó là những ai sống tham lam, ích kỉ, độc ác mà nhân dân ta

vẫn tin rằng những con người đó sẽ gặp những hậu quả tương tự như họ đã gieo cho những người khác, “kẻ gieo gió thì ắt gặp bão”.

Còn Phật giáo khi lí giải về những vấn đề trên, cho rằng: nghiệp là cái hành động do ta gây ra. Trong cuộc sống hiện hữu của mỗi con người đều phải gánh chịu những hậu quả của những hành động do kiếp trước gây ra và để lại hậu quả cho kiếp sau. Do đó, nghiệp báo trong cuộc đời là sự tổng hợp những kết quả của nghiệp gây ra trong hiện tại cùng với nghiệp gây ra trong quá khứ và nó quyết định đời sau tốt hay xấu. Đức Phật cũng đã nói: người là chủ nhân của nghiệp, cũng là thừa tự của nghiệp. Điều đó có nghĩa là nghiệp do chính mình tạo ra trở lại chi phối mình; nghiệp tạo nên sự nối liền quả này với quả khác.

Vậy trong truyện *Tấm Cám*, mẹ con Cám đã gây ra những hành động nào? Có nghĩa là đã tạo ra những nghiệp báo nào? GS. Đinh Gia Khánh cho biết: “Sự áp bức, bóc lột của mẹ dì ghẻ và đứa con của mẹ đối với cô Tấm đã được biểu hiện dưới nhiều khía cạnh”⁽⁵⁾. Bắt đầu là bắt Tấm đi mò tôm, cá nếu không bắt được thì bị phạt đòn; tiếp đó là việc Cám lừa đảo chiếm đoạt giỏ tôm, cá của Tấm. Khi Tấm nuôi được con cá bống thì mẹ con Cám bắt giết thịt; tiếp đến là không cho Tấm đi dự hội; sau nữa là giết hại Tấm, truy đuổi và tiêu diệt những lần Tấm hoá thân sang kiếp khác. “Đó là sự tước đoạt như việc Cám trút hết giỏ tép của Tấm, đó là sự tước đoạt đến cạn tàu ráo máng như bắt con cá bống cuối cùng của Tấm mà Tấm nuôi dưới giếng đem làm thịt ăn. Đó

4. Đoàn Trung Còn. *Triết học Phật Giáo*, Nxb. Tôn giáo, Tp. Hồ Chí Minh 2003, tr. 77.

5. Bùi Mạnh Nhị. *Văn học dân gian qua những công trình nghiên cứu*, Nxb. GD, Tp. Hồ Chí Minh 2003, tr. 232.

là hành hạ chỉ vì mục đích hành hạ như trộn thóc với gạo bắt Tấm nhặt cho kì hết để không cho Tấm đi dự hội. Đó là sự khinh bỉ khi thấy Tấm ra thũ giày thì bĩu môi... Mụ dì ghẻ và Cám không chỉ độc ác mà còn gian xảo⁽⁶⁾. Hơn thế nữa, mẹ con Cám còn dàn dựng âm mưu sát hại Tấm bằng cách bảo Tấm trèo lên hái cau và chặt cho cây cau đổ, Tấm chết và Cám được đưa vào cung thế chị. Nhưng hành động vẫn chưa dừng lại ở đó mà còn quyết liệt hơn không cho Tấm một con đường sống: sau khi Tấm chết đi hoá thành chim vàng anh thì bị Cám giết thịt; lông chim vàng anh biến thành cây xoan đào thì Cám lại sai người chặt lấy làm khung cửi; rồi tiếp đến là đốt khung cửi và đem đổ tro đi xa.

Như vậy, hành động gây tội ác của mẹ con Cám đi từ cấp độ thấp đến cấp độ cao, đi từ lừa đảo đến cưỡng bức, sát hại và cuối cùng là nấc thang của sự huỷ diệt. Nhưng hành động đó không phải là bột phát mà luôn có ý đồ, có mục đích cụ thể; bởi thế nên có phương pháp rõ ràng, có sự sắp đặt từ trước và mẹ con Cám bao giờ cũng thành công. Nhưng khi Tấm trở về từ quả thị, Cám hỏi cách để cho mình được đẹp như chị và lần này Cám không thể thực hiện được: Cám bị dội nước sôi, mụ dì ghẻ lăn đùng ra chết - những cái chết xứng đáng cho những kẻ tội đồ vô nhân tính.

“Ác giả ác báo” - đó là công lí theo quan niệm thông thường của nhân dân lao động ngày xưa, nhưng nó lại thấm nhuần tư tưởng của Phật giáo qua lăng kính của người dân Việt. Với kết thúc truyện như vậy, tác giả dân gian muốn nói lên cái chính nghĩa, cái thiện sẽ thắng cái ác; đồng thời cũng là lời nhắc nhở, cảnh tỉnh cho mỗi người trong cách ứng xử của mình với mọi người. Sự trừng phạt này không hợp với đạo Phật: Tấm sát

sinh, giết người nhưng lại hợp với lòng người và ước mơ công bằng là cái ác được trừng trị một cách thích đáng của người dân. Tuy nhiên với kết thúc đó, phải chăng nó cũng phản ánh sự hạn chế có tính lịch sử của truyện? Nó mới chỉ nói lên được ước mơ thuần túy của người dân lao động trong cuộc đấu tranh chống lại cái ác, chống lại sự bóc lột của kẻ thù.

3. Sự biểu hiện của tư tưởng giải thoát trong truyện

Tư tưởng triết học - tôn giáo Ấn Độ tuy muôn màu muôn vẻ, nhưng hầu như tất cả các trường phái triết học đều đưa đến một điểm mấu chốt nhất là việc giải quyết vấn đề nhân sinh. Trong đó, triết học Phật giáo đi tìm chân lí không phải để triết lí về những vấn đề viển vông và khô khan mà tập trung vào mục đích tối cao “tìm ra chỗ quy hướng cho kiếp người, tìm ra phương châm thực tiễn để giải quyết cho lẽ sống và đạo lí của con người”⁽⁷⁾. Xuất phát điểm của tư tưởng giải thoát trong triết lí Phật giáo là bắt nguồn từ nỗi khổ cuộc sống của con người. Và mục đích, nhiệm vụ tối cao của trí tuệ (giác ngộ) là phải xoá bỏ sự vô minh, mê muội ở con người, đạt đến sự giải thoát với cái tâm trong sáng bản nhiên, nhận ra được chân bản tướng của mình và thực tại của vạn vật, từ đó dập tắt được ngọn lửa dục ái thoát khỏi khổ não của cuộc đời. Tư tưởng này được kết tinh trong Tứ diệu đế được Phật giáo coi là bốn chân lí vĩ đại nói về cuộc đời của con người.

Trong truyện *Tấm Cám* qua số phận các nhân vật trong truyện chúng ta thấy rõ sự biểu hiện của tư tưởng trên. Cuộc đời cô Tấm mở đầu là một màn kịch đen tối và khi ánh sáng loé lên được trở thành hoàng hậu, tưởng chừng cuộc đời cô sẽ

6. Bùi Mạnh Nhị. Sđd., tr. 322.

7. Doãn Chính. *Tư tưởng giải thoát trong triết học Ấn Độ*, Nxb. Thanh Niên, Hà Nội 1999, tr. 39 và tr. 169.

sang một trang mới nhưng khổ đau vẫn cứ tiếp khổ đau, sống lên chết xuống, biến hoá qua các kiếp khác nhau vẫn chưa thoát khỏi nỗi khổ: từ người, chim vàng anh, cây xoan đào, khung cửi, cây thị và cho đến lần thứ năm trở lại làm người mới đạt được hạnh phúc đích thực. Bên cạnh đó, mẹ con Cám cũng chẳng sung sướng gì: từ việc thử hài để ước mơ trở thành hoàng hậu cũng không thành đến phải suy tính mọi cách để giết hại Tấm, khi sát hại được rồi lại mang nỗi ám ảnh, sợ hãi: khi nghe chim vàng anh hăm dọa mình, khi nghe khung cửi rửa mình... và cuối cùng nhận lấy kết cục đau đớn, bi đát. Phật giáo cho rằng: khổ đau là bất tận và tuyệt đối. Con người ở đâu và làm gì cũng khổ, nhưng giá trị của nó là ở chỗ trong khổ đau mới thấy rõ phẩm giá con người, thấy rõ sự vươn lên hay gục ngã trước cuộc đời.

Nhưng những nỗi khổ đau ấy mà các nhân vật trong truyện phải gánh chịu là do đâu? Theo triết học Phật giáo: “Nguyên nhân của nỗi khổ chính là lòng dục vọng của con người gây nên. Nhưng ái dục lại bắt nguồn từ sự vô minh, từ cái tâm vọng động mê lầm của chính con người không nhận thức được bản chất của thế giới này và ngay cả thân xác con người cũng đều do nhân duyên hoà hợp mà biến hiện và thay đổi vô thường”⁽⁸⁾. Do đó, có thể nói rằng nguyên nhân gây nên nỗi khổ cho các nhân vật trong truyện chính là xuất phát từ tham, sân, si của con người mà nguyên nhân sâu xa xuất phát từ sự vô minh. Nguyên nhân nằm ngay trong chính bản thân mỗi người. Và theo Phật giáo muốn diệt trừ tận gốc đến ngọn nỗi khổ, giải thoát con người khỏi nghiệp chướng, luân hồi phải tận diệt mọi ái dục (phải dập tắt lòng dục vọng trong mỗi người), dứt bỏ được vô minh, đạt tới sự sáng tỏ bản nhiên trong tâm hồn con người, đưa chúng sinh tới Niết Bàn.

Nhưng trong truyện cổ tích *Tấm Cám*, theo tác giả dân gian, muốn giải thoát khỏi nỗi khổ đó chính là bản thân mỗi người phải tự đứng lên giống như cô Tấm đã tự mình giành lấy hạnh phúc cho mình, còn nếu có sự giúp đỡ của Bụt - tượng trưng cho lẽ phải, cho chính nghĩa cũng chỉ là lực lượng thứ yếu.

Chính vì lẽ đó, truyện cổ tích *Tấm Cám* đã đi vào lòng người từ bao đời nay. Được như vậy vì truyện đã nói lên được nhiều ước mơ, khát vọng của quần chúng nhân dân. Dưới góc độ triết học, chúng ta thấy được truyện còn biểu hiện tư tưởng Phật giáo một cách rõ nét. Thuyết luân hồi biểu hiện qua nhân vật Tấm nhưng nó lại được biến hoá qua cái nhìn, sự suy nghĩ của người dân lao động. Còn mẹ con Cám vì đã tạo nên nghiệp xấu do tham, sân, si nên nhận lấy kết cục đau đớn, bi đát. Điều đó phân nào cho thấy sự giao thoa giữa tư tưởng Phật giáo và những sắc thái duy tình của người dân Việt: hạnh phúc không chỉ có thể đạt được sau khi chết mà trái lại nó có thể chứng nghiệm ngay hiện tại, góp một sắc thái đặc biệt vào triết lí nhân sinh của người dân Việt. Không những thế, truyện còn biểu dương và cổ vũ cho tất cả những cố gắng của con người hướng về cái đẹp, cái lẽ công bình của đạo lí dân tộc và có tác dụng đào luyện con người tạo nên sức mạnh, niềm tin vào bản thân để vượt qua những sóng gió trong cuộc đời, vững bước tiến về phía trước. Truyện còn là hồi chuông cảnh tỉnh cho những ai đã và đang đi ngược lại với bản tính người, với bản tính dân tộc hãy mau trở lại với cội nguồn yêu dấu ngàn xưa, với tiếng gọi của từ bi, bác ái./.

8. Doãn Chính. Sđd., tr. 169.